

VÀI SUY NGHĨ VỀ “YẾU TỐ GỐC” CẤU THÀNH DI TÍCH

PG.S. TS. NGUYỄN QUỐC HÙNG*

TÓM TẮT

Việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở nước ta hiện nay cần lưu ý giữ gìn yếu tố nguyên gốc cấu thành di tích. Vì vậy, để hiểu và vận dụng đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ yếu tố gốc cấu thành di tích, bài viết điểm lại sự ra đời, hiện trạng di sản văn hóa và những hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị các loại hình di sản văn hóa ở nước ta thời gian qua và đề xuất một số kiến nghị nhằm tạo cơ sở cho công tác quản lý và thực hiện việc bảo vệ các yếu tố gốc cấu thành di tích trong thời gian tới được dễ dàng hơn.

Từ khóa: Yếu tố gốc cấu thành di tích

ABSTRACT

In Vietnam, the safeguarding and promotion of cultural heritage values should pay attention to the preservation of authentic elements of heritage sites. In order to proper understand and follow the regulation of authentic elements, the paper reviews the establishment, real situation and the safeguarding and promotion activities of Vietnam's cultural heritage, and give some recommendations on the management and implementation of authentic elements of heritage sites in the near future.

Key words: authentic elements of heritage sites

Việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh ở nước ta thế nào cho đúng, lâu nay đã thu hút tâm trí của rất nhiều học giả và dư luận xã hội. Lâu lâu lại dấy lên những sự khen chê khác nhau, khi nhẹ nhàng, lúc lại quyết liệt, dữ dội, đôi lúc làm rối trí những người tâm huyết, bỏ tiền của, công sức, trí lực ra tu bổ di tích. Chẳng biết nhiệt huyết của họ có hữu ích hay không, việc khen chê dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn nào? Hay chỉ bằng cảm tính, trực giác, mọi việc rồi cũng cứ trôi đi theo thời gian. Thực tiễn vẫn diễn ra theo quy luật vận động riêng của từng lĩnh vực trong cuộc sống. Di tích hư hỏng vẫn phải trùng tu, mở mang theo nhu cầu hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo muôn thuở của cộng đồng. Những chuyện như vậy diễn ra đều đặn cả ngàn năm qua. Khi chưa xuất hiện các khái niệm khoa học về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích như ngày nay, các cụ xưa vẫn cứ làm cái việc xây dựng, kiến thiết công trình để phục vụ nhu cầu cư trú, sinh hoạt, thờ cúng thần, thánh, Phật, tổ tiên. Theo thời gian, các công trình kiến trúc ấy trở thành di tích,

nhiều cái bị hư hỏng, hủy hoại. Thời ấy, mỗi khi cần tu sửa công trình xây dựng trong làng, trong họ, các cụ “tùy tiền biện lễ” cho sửa sang, xây dựng lại, ít tiền sửa nhỏ (tiểu tu), khá hơn một chút sửa vừa (trung tu), giàu có sửa lớn (đại tu), mở mang rộng rãi khang trang hơn, bổ sung thêm các hạng mục mới, ở chùa hoặc đền còn cho tô tượng, đúc chuông, sắm đồ thờ tự. Cứ thế cách thức tu sửa các công trình kiến trúc, xây dựng được truyền lại từ đời này qua đời khác. Các công trình kiến trúc đa phần vì thế cũng trường tồn đến ngày nay.

Theo dòng chảy thời gian, việc coi các công trình kiến trúc xây dựng của người xưa là cổ tích, di tích cần phải bảo tồn và phát huy giá trị dần được định hình. Nhà nước ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa. Theo đó, các hoạt động bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử - văn hóa được pháp luật điều chỉnh. Các hình thức bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa theo lối cũ, phần nhiều không còn phù hợp với những quy định mới hướng đến mục tiêu bảo tồn và phát huy tốt nhất giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh. Một trong những vấn đề cốt lõi trong việc bảo tồn những giá trị vốn có,

* Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam

nguyên gốc của di tích trao truyền nguyên vẹn cho đời sau là phải bảo vệ nguyên trạng các yếu tố gốc của di tích. Người xưa trùng tu mở mang công trình không mấy khi chú trọng đến việc giữ gìn yếu tố gốc, thẳng hoặc có một số yếu tố kiến trúc, nghệ thuật của thời trước được giữ lại do một số nguyên nhân khác như: thiếu kinh phí để thay thế toàn bộ công trình, nên phải tận dụng lại những cấu kiện cũ còn tốt, hoặc có một số mảng chạm khắc đẹp, bỏ đi thì tiếc nên giữ lại..., chứ không hẳn do ý thức giữ gìn dấu vết cổ xưa, ban đầu của di tích.

Ngày nay, trong sự hòa nhập quốc tế, những nhận thức mới về khoa học bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cho thấy, nếu mất đi yếu tố gốc, công trình sẽ không còn giá trị di sản văn hóa vật thể nữa, mà chỉ tồn tại với tư cách một công trình mới để thực hiện những chức năng theo nhu cầu hiện tại của cộng đồng.

Ở nước ta hiện nay, *Luật di sản văn hóa* quy định có 4 loại di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh là: di tích lịch sử (lưu niệm sự kiện và lưu niệm danh nhân), di tích khảo cổ, di tích kiến trúc nghệ thuật và danh lam thắng cảnh. Vậy yếu tố gốc cấu thành của từng loại hình di tích này nên hiểu như thế nào và nên ứng xử như thế nào cho phù hợp đối với các di tích có quá trình xây dựng, trùng tu, mở mang nhiều lần hoặc với di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh.

Lần theo các văn bản quy phạm pháp luật, chúng ta thấy, việc bảo vệ các yếu tố gốc của di tích đã được quy định khá lâu, như Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh (số 14LCT ngày 4/4/1984 của Hội đồng Nhà nước) quy định tại Điều 15: "Mỗi di tích lịch sử, văn hóa là bất động sản và danh lam, thắng cảnh có từ một đến ba khu vực bảo vệ: Khu vực I là khu vực phải được bảo vệ nguyên trạng"; Điều 18: "Việc tu bổ di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh phải bảo đảm nguyên trạng và tăng cường sự bền vững của di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh".

Năm 2001, *Luật di sản văn hóa* xác định rõ hơn đối tượng cần được bảo vệ nguyên trạng tại Điều 32: "1. Các khu vực bảo vệ di tích bao gồm:

a) Khu vực bảo vệ I gồm di tích và vùng được xác định là yếu tố gốc cấu thành di tích, phải được bảo vệ nguyên trạng;"

Đến năm 2009, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa* sửa đổi, bổ sung điều 32 như

sau: "1. Các khu vực bảo vệ di tích bao gồm:

a) Khu vực bảo vệ I là vùng có các yếu tố gốc cấu thành di tích;...

3. Khu vực bảo vệ I phải được bảo vệ nguyên trạng về mặt bằng và không gian...

Việc xây dựng công trình quy định tại khoản này không được làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích".

Điều 34 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Giữ gìn tối đa các yếu tố gốc cấu thành di tích.

Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của *Luật di sản văn hóa* và *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa* quy định tại Điều 4: Những hành vi làm sai lệch di sản văn hóa:

a) Làm thay đổi yếu tố gốc cấu thành di tích, như đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích hoặc tu bổ, phục hồi không đúng với yếu tố gốc cấu thành di tích và các hành vi khác khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch, tuyên truyền, giới thiệu sai lệch về nội dung và giá trị của di tích.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa đã quy định: "Yếu tố gốc cấu thành di tích là yếu tố có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, thể hiện đặc trưng của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh".

Theo định nghĩa nêu trên, yếu tố gốc cấu thành di tích không ám chỉ thời gian xuất hiện của yếu tố gốc mà nhấn mạnh vào các yếu tố thể hiện đặc trưng của di tích, tuy nhiên, làm thế nào để nhận biết các yếu tố có giá trị và thể hiện đặc trưng của từng loại hình di tích cụ thể lại là một vấn đề đáng quan tâm.

Liên quan đến việc xác định giá trị nguyên gốc của di tích, bản Hướng dẫn thực hiện Công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới của Trung tâm Di sản thế giới, đoạn 81 viết: "Nhận định về giá trị gắn với di sản văn hoá, cũng như tính chất đáng tin cậy của các nguồn thông tin liên quan, có thể khác nhau giữa các nền văn hoá, và thậm chí trong cùng một nền văn hoá. Sự tôn trọng đối với tất cả các nền văn hoá đòi hỏi rằng di sản văn hoá phải được xem xét và đánh giá trước hết trong các bối cảnh văn hoá của di sản.

Tùy theo thể loại và bối cảnh văn hoá của di sản văn hoá, các di sản có thể được coi là đáp ứng được các điều kiện về tính xác thực nếu giá trị văn hoá của chúng (như được công nhận trong các tiêu chí để cử dự kiến) được biểu hiện một cách trung thực và đáng tin cậy thông qua hàng loạt các thuộc tính như:

- hình dáng và thiết kế;
- chất liệu và nội dung;
- ích dụng và chức năng;
- các truyền thống, các kỹ thuật và các hệ thống quản lý;
- địa điểm và khung cảnh;
- ngôn ngữ, và các hình thức khác của di sản phi vật thể;
- tinh thần và tình cảm;
- các yếu tố nội tại và ngoại biên khác. Các thuộc tính như tinh thần và tình cảm không dễ dàng được sử dụng để đánh giá tính xác thực, nhưng dù sao chúng cũng là những chỉ số quan trọng về đặc tính và về cảm nhận vị trí, ví dụ, trong những cộng đồng vẫn duy trì các truyền thống và tiếp biến văn hoá”.

Từ những quy định về yếu tố gốc cấu thành di tích của các văn bản quy phạm pháp luật ở nước ta, tham khảo bản Hướng dẫn thực hiện Công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới của Trung tâm Di sản thế giới về tính xác thực hay nguyên gốc của di sản văn hóa nêu trên. Chúng ta thử tìm hiểu các yếu tố này trong sự vận động của các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh của nước ta hiện nay.

Trong phạm vi cả nước, cho đến nay (2014) đã có hơn 3130 di tích được xếp hạng di tích cấp quốc gia, hơn 7 nghìn di tích được xếp hạng di tích cấp tỉnh, hơn 4 vạn di tích được kiểm kê trên địa bàn cả nước.

Các di tích khảo cổ học theo quan niệm phổ biến ở nước ta, phần lớn là những di tích đã bị chôn vùi dưới lòng đất hoặc lòng nước được phát hiện, khai quật, bao gồm các di tích của thời kỳ tiền sử, như: di tích trong hang động của văn hóa Sơn Vi, Hòa Bình, Bắc Sơn (hang Con Moong - Thanh Hóa), mái đá (Phiêng Tung - Thái Nguyên)...; hoặc ngoài trời (núi Đọ - Thanh Hóa); các di tích phân bố ở vùng đồi gò ven sông suối, cồn sò điệp ven biển; các di chỉ cư trú, công xưởng chế tác công cụ, khu mộ táng... của người xưa (các di chỉ thuộc văn hóa Đông Sơn, Sa Huỳnh, Đông Nai)...

Các di tích thời tiền, sơ sử, ngoài nơi cư trú, mộ táng, còn bao gồm những nơi cung cấp lương

thực, thực phẩm, nguồn nước, nơi sản xuất, chế tạo công, nơi sinh hoạt văn hóa tâm linh... và hầu hết đều nằm trong các khu vực bao quanh hoặc gần nơi cư trú. Các di tích khảo cổ thời kỳ này vốn rất mong manh, hầu hết là các dấu tích của người cổ bị chôn vùi, sau khi được phát hiện, khai quật, phần lớn ở trong tình trạng rất dễ tổn thương. Kết cấu của các tầng văn hóa không bền vững, khó bảo quản lâu dài, tránh khô nẻ, nấm mốc, ẩm ướt, ngập lụt...

Các di tích khảo cổ thời kỳ lịch sử thường là các dấu vết kiến trúc trong lòng đất, như nền cung điện, dinh thự, đình, chùa, đền, miếu, tháp, giếng, mộ táng, lò gốm... đã được phát hiện ở nhiều nơi như khu 18 Hoàng Diệu (Hà Nội), đền Kiếp Bạc (Hải Dương), cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), cố đô Huế, Hưng Lợi (thành phố Hồ Chí Minh), hệ thống tháp Chăm ở miền Trung, tháp Khơ Me ở miền Tây Nam Bộ. Di tích tồn tại dưới dạng phế tích, bao gồm nền móng kiến trúc và các kiến trúc vật làm bằng các chất vô cơ, như: đất nung (gạch, ngói, con giống...), đá (chân tảng, lan can, trụ, xà, phù điêu, tượng...) - Hiện vật tìm được đa dạng hơn thời kỳ trước, ngoài các đồ đất nung, đá, còn thấy cả những hiện vật bằng các chất liệu khác, như: sắt, đồng, vàng, bạc, gỗ, vải... Sau khi phát hiện, khai quật, ngoại trừ số hiện vật được đưa về bảo tàng, việc bảo quản các di tích này gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp, do tác động của điều kiện khí hậu khắc nghiệt và sự non nớt về kinh nghiệm chuyên môn, thiếu kinh phí hoạt động.

Di tích lịch sử mang những đặc trưng khác, các di tích thuộc loại này được chia làm hai dạng, dạng di tích lưu niệm sự kiện và lưu niệm danh nhân.

Di tích lưu niệm sự kiện gồm có các khu căn cứ, trận địa, bãi chiến trường, hầm hào, địa đạo, nơi hội họp, nuôi giấu cán bộ, chôn cất vũ khí, phòng tuyến...

Căn cứ cách mạng bao gồm nhiều công trình: nơi làm việc, ăn ở của các cơ quan, đơn vị nằm trong rừng sâu, xa xôi, hẻo lánh, khí hậu khắc nghiệt. Do đặc điểm các căn cứ này phải bí mật, hay di chuyển để tránh sự tấn công của địch, nên lán, trại, hầm, hào, được làm tạm bằng các vật liệu không bền vững, lấy ngay trong khu vực căn cứ, nên sau khi bỏ đi một thời gian không sử dụng đều bị hư hỏng, sập đổ, cây cối mọc lên làm biến dạng.

Bãi chiến trường, nơi diễn ra các trận đánh, ghi lại các chiến công quân sự của ta, như: gò Đống Đa

(Hà Nội), Yên Thế (Bắc Giang), Tập đoàn Cứu điểm Điện Biên phủ, Ấp Bắc (Tiền Giang)... Các di tích chiến trường, ghi dấu chiến thắng hầu hết là các căn cứ quân sự dã chiến, sau khi kết thúc chiến trận, hầu hết hầm, hào, lô cốt, lều bạt đã bị hủy hoại nghiêm trọng.

Di tích lưu niệm danh nhân thường liên quan đến quê hương, nơi hoạt động và mộ của họ. Thông thường, các di tích ở quê hương gắn bó với thời niên thiếu trong gia đình cha mẹ, di tích nơi làm việc là các công sở, dinh thự. Các di tích này trước đây đều có kết cấu bộ khung gỗ, hoặc tre, nứa, mái lợp rơm rạ, hoặc ngói, trải qua năm tháng, đã bị xuống cấp, hư hỏng.

Di tích kiến trúc - nghệ thuật bao gồm từ các quần thể di tích kiến trúc có quy mô lớn, như: cố đô Huế, khu phố cổ Hà Nội, khu phố cổ Hội An, làng cổ, đền từng ngôi đình, chùa hoặc nhà dân đơn lẻ. Trong loại hình di tích này, có những di tích là công trình quân sự, như các tòa thành cổ: thành Cổ Loa, thành Sơn Tây (Hà Nội), thành nhà Hồ (Thanh Hóa), có các di tích liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng, như: đình, chùa, đền, miếu, dinh thự, nhà thờ Ki - Tô giáo, nhà thờ họ, lăng mộ, đền - tháp (Chăm, Khơ Me - Nam Bộ)... Loại hình di tích này khá phong phú, được xây dựng bằng các loại chất liệu vô cơ (đất, đá) và chất liệu hữu cơ (gỗ, tranh, tre, nứa, lá). Các di tích tồn tại lâu năm, nên phần lớn đã bị thiên nhiên, chiến tranh và hoạt động của con người làm cho hư hỏng, những di tích tồn tại được cũng đã qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa. Nhiều công trình đã bị mất hẳn, hoặc hư hỏng nặng rất khó tu bổ, phục hồi nguyên trạng.

Danh lam thắng cảnh ở nước ta được chia làm một số dạng, trong đó có những thắng cảnh được sự tô điểm của con người, như quần thể thắng cảnh Hương Sơn (Hà Nội), khu danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh), có những cảnh đẹp thiên nhiên thuần túy, như các hang động, thác nước, vịnh biển, lại có những di sản hàm chứa các giá trị địa chất (vịnh Hạ Long, vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, quần thể danh thắng Tràng An, cao nguyên đá Đổng Văn), sự tiến hóa của quá trình sinh học (đảo Cát Bà) và sự đa dạng sinh học (vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng). Danh lam thắng cảnh thường phân bố trên một không gian rộng, chứa đựng nhiều loại động, thực vật, khoáng sản quý hiếm, phong cảnh đẹp, nên luôn bị đe dọa bởi sự xâm nhập hoặc di cư của các giống loài ngoại lai, bị

sự tàn phá của thiên nhiên, nạn chặt phá rừng, săn bắt thú rừng trái phép của lâm tặc, nạn đốt rừng làm nương, rẫy của cư dân sống trong khu vực di sản. Việc mở đường giao thông, phát triển du lịch nếu không tính toán cẩn trọng, kiểm soát chặt chẽ cũng gây hại không nhỏ đến việc bảo tồn di sản. Các công trình xây dựng trong khu vực thắng cảnh như chùa, đền trước đây đều làm bằng chất liệu truyền thống, nên cũng rất nhanh chóng bị hư hỏng do cây cối, thiên nhiên tàn phá.

Xuất phát từ đặc thù của mỗi loại hình di tích, trong nhiều năm qua, chúng ta đã có những dự án bảo tồn và phát huy giá trị di tích tương ứng, phù hợp với từng loại hình. Đối với di tích khảo cổ học, ưu tiên hàng đầu là nghiên cứu làm tư liệu và phủ bạt, lấp cát để bảo tồn, chỉ tại một số nơi, do yêu cầu thực sự cần thiết, mới làm nhà bao che để trưng bày giới thiệu cho công chúng, như: khu trung tâm hoàng thành Thăng Long ở 18 Hoàng Diệu, Đọan môn (Hà Nội), chùa Long Đọi (Hà Nam), chùa Phật Tích (Bắc Ninh), cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), gò cây Thị, Nam Linh Sơn tự (An Giang), gò Tháp (Đồng Tháp), gò Thành (Tiền Giang)...

Di tích lưu niệm sự kiện, do các công trình kiến trúc đều làm bằng những vật liệu nhẹ, hầu hết bị phá hủy rất nhanh chóng, nên công tác phục hồi được xem xét kỹ lưỡng thông qua việc lựa chọn các điểm di tích tiêu biểu thực sự cần thiết và có thể phục hồi bằng chất liệu bền vững (bê tông, composite giả gỗ, giả tre, giả đất); tại các khu căn cứ cách mạng ưu tiên làm bia, biển, tượng đài, tranh hoành tráng, nhà trưng bày bổ sung giới thiệu di tích.

Di tích lưu niệm danh nhân, hầu hết nơi sinh, đền thờ, mộ táng đã được tu bổ phục hồi, tôn tạo, nhiều nơi còn xây nhà tưởng niệm, tượng đài để tôn vinh công lao của danh nhân và giáo dục truyền thống.

Di tích kiến trúc nghệ thuật làm bằng các chất liệu được bảo quản, tu bổ, phục hồi khá nhiều. Do bộ khung chịu lực của kiến trúc được làm bằng các chất liệu hữu cơ (các loại gỗ) nên rất dễ bị mục, mọt, gây nên lún, sụt, dột, khoảng hai chục năm lại phải trùng tu, sửa chữa một lần. Kể từ năm 1994, thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia chống xuống cấp và tôn tạo di tích, kết hợp với các nguồn vốn của cộng đồng theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, xã hội hóa, hàng ngàn lượt di tích đã được bảo quản, tu bổ, phục hồi bằng nhiều

phương pháp: tái sử dụng các cấu kiện cũ còn tốt, bảo quản các cấu kiện cũ bằng hóa chất, gia cố cột, kèo bằng xi măng và hóa chất, nối vát các cấu kiện kiến trúc, tách lõi ốp mang gìn giữ các cấu kiện có hoa văn trang trí mang dấu ấn niên đại xưa của di tích, thay thế các cấu kiện hư hỏng bằng các cấu kiện mô phỏng cùng chất liệu, thay thế gỗ tạp bằng gỗ lim, thay thế gỗ bằng bê tông (giả gỗ), sơn son thếp vàng, phục hồi ngói cổ để thay thế những viên đã vỡ hoặc không phù hợp.

Danh lam thắng cảnh được ưu tiên bảo tồn cảnh quan môi trường, tu bổ, phục hồi các công trình kiến trúc do con người xây dựng tô điểm cho vẻ đẹp cảnh quan.

Những cách làm nêu trên liệu đã đáp ứng yêu cầu gìn giữ nguyên trạng các yếu tố gốc cấu thành di tích như chúng ta mong muốn?

Thực tiễn công tác bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích thời gian qua ở nước ta nảy sinh khá nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động bảo tồn yếu tố gốc cấu thành di tích. Hầu hết các di tích ở nước ta do xây dựng bằng phương pháp truyền thống và do thất lạc hồ sơ lưu trữ, nên đại đa số di tích không có bản vẽ thiết kế ban đầu, tranh vẽ, ảnh chụp, tư liệu ghi chép, mô tả về di tích, trí nhớ của nhân chứng thường khá mơ hồ không chính xác. Đó là chưa kể đến tâm lý muốn làm cho di tích khang trang, to đẹp, xứng tầm của những người có thẩm quyền và tham gia vào quá trình tu bổ di tích gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc "bảo vệ nguyên trạng mặt bằng và không gian" di tích mà *Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa* quy định. Việc phát triển, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa nhanh chóng trong thời gian qua cũng đã tác động khá nhiều đến không gian, mặt bằng, môi trường cảnh quan của nhiều di tích (di tích chiến thắng Điện Biên Phủ đã và đang bị ảnh hưởng do sự phát triển của thành phố Điện Biên, vốn không có khi xảy ra sự kiện năm 1954).

Bên cạnh các nguyên nhân chung nêu trên, khi tiến hành bảo quản, tu bổ phục hồi các di tích, chúng ta luôn vấp phải những khó khăn cần xử lý trong thực tế, dưới đây xin nêu một vài ví dụ:

Trước hết đối với các di tích lưu niệm sự kiện, một bãi chiến trường nơi ghi dấu chiến thắng của nhân dân ta, biểu trưng cho tinh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc ta trong quá trình giữ nước. Sau khi xảy ra sự kiện, di tích là một bãi chiến trường với

hầm, hào, dây thép gai, lô cốt bị đánh tan hoang (Tập đoàn Cứ điểm Điện Biên Phủ của quân Pháp), sau một thời gian dài bị bỏ hoang, mưa gió bào mòn, lún sụt, cây cối mọc lên che lấp, việc bảo tồn khu di tích này nên tiến hành theo hướng nào? Phục hồi lại các công trình của quân Pháp trước khi bị ta tấn công hay làm lại bức tranh di tích sau khi sự kiện diễn ra. Ngã ba Đồng Lộc (Hà Tĩnh) lại là một ví dụ khác về việc cần lựa chọn giải pháp bảo tồn như thế nào đối với một ngã ba giao thông đã bị bom của không quân Mỹ cày xới liên tục trong nhiều năm liền. Liệu giờ đây đến thăm nơi này, khách tham quan có thể tưởng tượng được sự ác liệt của chiến tranh, tinh thần dũng cảm hy sinh quên mình vì đất nước của thanh niên xung phong thời ấy với những nhà trưng bày, tượng đài, tháp chuông, hệ thống giao thông, công viên cây xanh đã được xây dựng lên thay vì những hố bom lở lói trong khu vực ngã ba đồi gò trơ trọi không một ngọn cây nào còn sống sót trong bom đạn khi chiến tranh ác liệt.

Các di tích lưu niệm danh nhân vốn chỉ là những ngôi đền thờ đơn sơ, mộ táng xưa kia chỉ đắp bằng đất sơ sài. Nay di tích được xây dựng khang trang, lại có thêm nhà tưởng niệm, tượng đài, đồ thờ tự (đền thờ Hai Bà Trưng ở Mê Linh, Phúc Thọ - Hà Nội). Những ngôi mộ được xây thêm cổng trụ, tường bao, ốp đá (mộ Nguyễn Du, Huỳnh Thúc Kháng, Thủ khoa Huân, Nguyễn Đình Chiểu...). Những nét đơn sơ, giản dị của các ngôi mộ xưa kia đã được thay thế bằng những công trình bề thế, quy mô, thể hiện sự tri ân, đền ơn đáp nghĩa của người đời nay.

Di tích kiến trúc nghệ thuật, bên cạnh việc tu bổ (kể cả thay mới) các hạng mục hiện có còn cho xây thêm các công trình mới (đền thờ Nguyễn Trãi trong khu di tích Côn Sơn - Hải Dương, nhà che bia Văn miếu, nhà Thái Học, lầu chuông, lầu trống trong khu vực Văn miếu - Quốc Tử giám Hà Nội). Rồi những công trình được gọi là phỏng dựng, phục dựng, do không có đủ cơ sở khoa học, trong khu vực bảo vệ I của di tích, theo nhu cầu của người thời nay, đa phần tên gọi, mục đích của việc dựng lên những công trình ấy vẫn còn có nhiều tranh cãi.

Tại các khu phố cổ, làng cổ, việc xây công trình mới để làm dịch vụ, nhà hàng, khách sạn, nhằm phục vụ tham quan, du lịch tự phát không theo quy hoạch, quy chế vẫn diễn ra, gây xáo trộn về không gian và mặt bằng di tích, lấn át những ngôi nhà cổ trong khu di tích vẫn diễn ra.

Danh lam thắng cảnh là nơi dễ thấy nhiều công trình được xây mới. Lấy thắng cảnh Yên Tử làm ví dụ, hầu hết các ngôi chùa cổ đơn sơ ở đây đều được xây lại to lớn, tuy vẫn theo thức kiến trúc truyền thống. Chúng ta có thể điểm danh các công trình từ dưới chân lên đỉnh núi, như: chùa Trình (Suối Tắm), chùa Giải Oan, chùa Hoa Yên, chùa Một Mái, chùa Đồng. Các công trình dịch vụ du lịch cũng dần dần mọc lên sầm uất theo đà tăng nhanh của lượng khách du lịch đến di tích. Trong các khu vực bảo vệ của danh thắng đã xuất hiện không chỉ nhà hàng, dịch vụ, mà còn có tới 2 hệ thống cáp treo.

Từ hệ thống cáp treo đầu tiên ở núi Bà Đen (Tây Ninh), Yên Tử hiện nay đã có khá nhiều cáp treo ở các danh lam thắng cảnh, như: chùa Hương (Hà Nội, Hà Tĩnh), Bà Nà (Đà Nẵng), Bà Rá (Bình Phước) và vịnh Nha Trang đi ngang qua các khu vực bảo vệ di tích.

Có thể nói, trong thời gian qua, công tác bảo tồn di sản văn hóa của chúng ta đang trong thời kỳ quá độ, chuyển đổi nhận thức từ tự phát sang khoa học, từ việc quản lý di sản văn hóa trong cộng đồng sang sự quản lý di sản văn hóa theo pháp luật trong bối cảnh đất nước đang phát triển, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa. Nhiều di tích phải dịch chuyển địa điểm do làm đường đi qua. Nhiều di tích phải nâng nền, nâng tầng, nếu không muốn bị ngập lụt, do các công trình bao quanh nâng cao. Không ít di tích xây thêm các công trình mới để phục vụ nhu cầu hiện nay và thích nghi với cuộc sống hiện đại, do đó cũng đã có những công trình không sử dụng kiểu thức kiến trúc truyền thống để xây dựng các công trình phụ. Để tạo cho di tích bền vững hơn, một số nơi đã thay thế vật liệu cũ bằng các vật liệu mới, lấy bê tông giả gỗ, giả đất, composite giả gỗ, ốp gỗ bên ngoài cột bê tông, hoặc thay sơn ta bằng sơn Nhật, vàng quỳ bằng vàng Nhật...

Một số vấn đề liên quan đến lý thuyết về bảo tồn nguyên trạng yếu tố gốc cấu thành di tích như: kể từ khi khởi dựng đến nay, di tích đã trải qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa, mặt bằng và không gian đã thay đổi (mở rộng ra hoặc thu hẹp lại), số lượng hạng mục di tích cũng có biến động (được xây thêm hoặc bỏ đi), vậy nên phục hồi di tích ở thời điểm nào, quy mô ra sao. Khi phục hồi màu sắc của di tích nên để màu sắc như khi di tích mới xây dựng hay làm cho màu cũ đi. Đối với những cấu kiện đã mất, nên phục hồi hoa văn hay để trơn. Việc xây thụt vào vài cm đối với

các thành phần mới phục hồi ở di tích có cần không (vì sau một thời gian mưa gió, rêu phong lại mọc lên, chỉ vài năm, di tích cũ đi, khách tham quan không thể nhận biết đâu là những thành phần mới phục hồi và đâu là những hạng mục cũ còn lại của di tích xưa nếu không có sự giới thiệu của người hướng dẫn). Các di tích ở ta còn hay bị cây cối mọc lên gây hư hỏng di tích, vậy nên loại bỏ cây cối để giữ cho di tích khỏi bị hư hỏng hay để nguyên, vì cây đã trở thành một bộ phận của di tích từ khi mọc lên. Tượng đã bị gãy, mất đi một số bộ phận, có nên phục hồi lại cho lành lặn. Những cây cột cái trong gian chính điện bị mọt có nên thay mới để đáp ứng nhu cầu tâm linh (biểu hiện sự thành kính đối với đối tượng được thờ, ý nghĩa thông linh) hay chấp nối. Việc xây một số công trình phục vụ trong các khu vực bảo vệ của di tích, có nên làm theo thức kiến trúc truyền thống cho hòa nhập, hay theo kiểu mới để dễ dàng phân biệt giữa di tích và công trình ngày nay mới xây thêm. Khu tưởng niệm, tượng đài xây dựng trong khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử lưu niệm sự kiện có ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích hay không.

Hàng loạt vấn đề nảy sinh trong thực tế liên quan đến yếu tố gốc cấu thành di tích trong bối cảnh hiện nay cho thấy, việc thực hiện bảo tồn và phát huy giá trị di sản sao cho phù hợp, hài hòa giữa các ứng xử truyền thống và hiện đại còn nhiều việc phải giải quyết. Thật khó áp dụng cứng nhắc các nguyên tắc trong một số trường hợp cụ thể, song cũng không nên buông lỏng tùy tiện. Do nguồn gốc ra đời và tồn tại của các di tích rất khác nhau, mỗi loại hình di tích có những đặc điểm riêng, trong mỗi loại hình di tích tình trạng vật chất và kỹ thuật cũng rất khác nhau. Vì vậy, cách nhìn nhận và ứng xử cũng cần phù hợp với từng loại hình di tích và trong từng trường hợp cụ thể, rất khó áp dụng một công thức cho tất cả các loại hình di tích.

Thiết nghĩ, trong những năm tới, cần có những quy định cụ thể, chi tiết hơn về yếu tố gốc cấu thành của từng loại hình di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh (có thể vận dụng ý tưởng trong Hướng dẫn thực hiện Công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới của Trung tâm Di sản thế giới) để tạo thuận lợi cho cán bộ quản lý và người dân khi vận dụng trong thực tế./.

N.Q.H

(Ngày nhận bài: 3/7/2014; Ngày phản biện đánh giá: 7/8/2014; Ngày duyệt đăng bài: 21/8/2014).